

Số: **3397** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **03** tháng **7** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Người khuyết tật
thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND thành phố Hà Nội về Ban hành Quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 1358/TTr - SNV ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội đã được Đại hội nhiệm kỳ IV (2017-2022) của Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2017 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở: Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội; các sở, ban, ngành có liên quan và Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP: Ng. Văn Sửu;
- VP UBND TP: PCVP Phạm Chí Công, NC, TH, KG-VX; 
- Lưu: VT.

2870 (13)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sửu

ĐIỀU LỆ
NGƯỜI KHUYẾT TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~3397~~/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội.
2. Tên tiếng Anh: Hanoi Association of People with Disabilities.
3. Tên viết tắt: DP Hanoi.
4. Hội có biểu tượng riêng như sau: Hình vẽ biểu tượng màu xanh tím than trên nền trắng.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của người khuyết tật trên địa bàn thành phố Hà Nội, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, địa vị xã hội, nguyên nhân khuyết tật; tự nguyện tham gia các hoạt động của người khuyết tật và vì người khuyết tật.
2. Mục đích của Hội nhằm tập hợp, đoàn kết, nâng cao năng lực của người khuyết tật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; khuyến khích, động viên, tạo cơ hội để người khuyết tật khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên trở thành những người có ích, hoà nhập đầy đủ và bình đẳng vào xã hội, hướng tới "Xã hội hòa nhập, không rào cản và vì quyền của người khuyết tật".

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội: Tầng 5, Cung Trí thức Thành phố, số 1 phố Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
3. Điện thoại: 04.35379257, 04.35380239
4. Website: <http://dphanoi.org.vn>
5. Email: admin@dphanoi.vn; hoinkt@gmail.com

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi địa bàn thành phố Hà Nội, trong lĩnh vực nâng cao năng lực, thúc đẩy thực hiện quyền của người khuyết tật, không vì mục đích lợi nhuận, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

2. Hội tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được UBND thành phố Hà Nội phê chuẩn, chịu sự quản lý nhà nước của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Hà Nội và các Sở, Ban, Ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, giám sát và phản biện xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước, các đối tác trong và ngoài nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề, hỗ trợ tạo việc làm cho người khuyết tật theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật. Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc Hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì Hội quyết định thành lập pháp nhân và có hồ sơ báo cáo theo quy định với Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, nâng cao kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện cho hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm: hội viên chính thức và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức:

- Công dân Việt Nam là người khuyết tật, người đại diện hợp pháp của người khuyết tật trí tuệ, tự kỷ và trẻ em khuyết tật đang sinh sống, làm việc hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì được Hội xem xét, kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

- Các tổ chức Việt Nam của người khuyết tật, đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì được Hội xem xét, kết nạp làm hội viên chính thức của Hội. Các thành viên cá nhân của tổ chức cũng là hội viên cá nhân của Hội.

b) Hội viên danh dự:

Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, có tâm huyết và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được Hội khen thưởng và đề nghị với các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định hiện hành.

7. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

8. Hội viên danh dự được hưởng quyền và có nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Kết nạp hội viên: Cá nhân, tổ chức đáp ứng Điều 8 của Điều lệ này có đơn xin gia nhập Hội, sẽ được Ban Chấp hành xem xét, kết nạp làm hội viên.

2. Thủ tục ra khỏi Hội: Ban chấp hành xem xét và quyết định chấm dứt tư cách hội viên của Hội trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân, tổ chức không muốn tiếp tục là hội viên của Hội có đơn xin ra khỏi Hội, sẽ được Ban Chấp hành xem xét, đưa ra khỏi danh sách hội viên;

b) Tổ chức bị giải thể hoặc tự giải thể;

c) Cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, Quy chế của Hội;

d) Tổ chức không hoạt động và không có báo cáo hoạt động 1 năm;

e) Tổ chức không đóng hội phí 1 năm mà không có lý do chính đáng;

g) Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản, uy tín của Hội và các hội viên khác.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội;

2. Ban Chấp hành;

3. Ban Thường trực;

4. Ban Kiểm tra;

5. Văn phòng và các ban chuyên môn;

6. Các tổ chức thuộc và trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít

nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo điều hành mọi hoạt động của Hội trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội; Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu:

a) Trong số trường các tổ chức thành viên của Hội, hoặc được các tổ chức thành viên đề cử;

b) Cá nhân được giới thiệu bởi Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra nhiệm kỳ trước;

c) Cá nhân tự ứng cử tại Đại hội.

Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định; nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản

của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường trực, bầu bổ sung, miễn nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp ít nhất 2 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 2/3 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành, số lượng không quá 1/3 số lượng Ủy viên Ban chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường trực 3 tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu

cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 tổng số Ủy viên Ban Thường trực;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có 2/3 Ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 1/2 tổng số Ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Văn phòng, các ban chuyên môn, các pháp nhân trực thuộc Hội, Ban cố vấn

1. Văn phòng: Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Kiểm tra và Ban lãnh đạo Hội. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của văn phòng được quy định trong Quy chế hoạt động của văn phòng do Ban Chấp hành Hội ban hành.

2. Các ban chuyên môn là các bộ phận giúp Ban Chấp hành xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể theo từng lĩnh vực công tác và hoạt động của Hội. Chế độ làm việc của các ban được quy định trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành.

3. Các pháp nhân trực thuộc Hội là những tổ chức được thành lập theo nhu cầu hoạt động và phát triển Hội và được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, trên cơ sở đó Hội quyết định thành lập pháp nhân.

Các pháp nhân có quy chế hoạt động riêng được báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Ban cố vấn gồm những cá nhân có uy tín xã hội và là chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan đến người khuyết tật để giúp việc Ban Chấp hành quy định các vấn đề chuyên môn chuyên sâu. Ban cố vấn làm việc nhằm hỗ trợ Hội trong việc thực hiện chiến lược phát triển, tư vấn giải quyết những vấn đề quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển Hội. Số lượng, thành phần Ban cố vấn do Ban Thường trực Hội quyết định. Thường trực Hội mời Ban cố vấn họp 2 lần/năm theo đề nghị của Ban Thường trực.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Các Ủy viên Ban Kiểm tra không kiêm nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội

viên và công dân gửi đến Hội;

c) Hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ Ban Kiểm tra các Hội Người Khuyết tật các quận, huyện, thị xã (Hội thành viên) trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm tra của các Hội thành viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội; Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Chủ tịch Hội không tham gia cùng lúc là Chủ tịch của Hội khác, không quá 70 tuổi tại thời điểm bầu cử, không giữ chức danh Chủ tịch Hội quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo

quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí hàng năm của tổ chức thành viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm: Trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội.

b) Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ.

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế: quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 23. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ (nếu có), khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quy định về thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật, hình thức kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội gồm 8 Chương, 25 Điều đã được Đại hội lần thứ IV Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ 2017-2022 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2017 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Người khuyết tật thành phố Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu